

Số: /KH-SGTVT

Quảng Trị, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH Cải cách hành chính Sở Giao thông vận tải năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2024; Kế hoạch số 07/KH-SGTVT ngày 11/01/2022 của Sở GTVT về Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Công văn số 1410/SNV-CCHCVTLL ngày 02/11/2023 của Sở Nội vụ về việc tham mưu, xây dựng kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 và Công văn số 20/SNV-CCHCVTLL ngày 04/01/2024 của Sở Nội vụ về việc triển khai Kế hoạch CCHC của tỉnh và ban hành kế hoạch CCHC năm 2024 tại cơ quan, đơn vị, địa phương; Sở Giao thông vận tải (GTVT) xây dựng kế hoạch Cải cách hành chính (CCHC) năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình, văn bản chỉ đạo, điều hành của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND về công tác CCHC trong đó chú trọng triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về đẩy mạnh CCHC tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2024. Từng bước xây dựng nền hành chính ngày càng tinh gọn, hiện đại, chuyên nghiệp, hoạt động thông suốt, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ được giao; nâng cao chất lượng thực thi các nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành; phục vụ công dân, tổ chức, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh để góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để duy trì, nâng cao thứ hạng Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của Sở GTVT góp phần nâng cao chỉ số chung của toàn tỉnh.

2. Yêu cầu:

- Xác định cụ thể các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp có trọng tâm, trọng điểm gắn với mục tiêu nhiệm vụ của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước

giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ, Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị và Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2024.

- Phân công trách nhiệm thực hiện của các Phòng, ban, đơn vị và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2024; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tiếp tục kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được của công tác CCHC trong thời gian qua; đổi mới trong tư duy và hành động, đẩy mạnh triển khai các mô hình, giải pháp mới, sáng tạo đồng thời tích cực, chủ động trong việc tiếp thu, học tập, vận dụng phù hợp giải pháp, cách làm hay, có hiệu quả của các cơ quan, địa phương khác.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Cải cách thể chế

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, kịp thời, hiệu quả và sát với thực tiễn áp dụng.

- Rà soát, kịp thời tham mưu cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc thù của địa phương, đơn vị.

- Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Cử cán bộ, công chức, tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp chế, tuyên truyền.

- Thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Kịp thời cập nhật, sửa đổi, bổ sung các TTHC thuộc danh mục ngành GTVT thực hiện phù hợp quy định do Trung ương ban hành mới, trình UBND tỉnh công bố danh mục theo đúng quy định; niêm yết công khai TTHC đúng quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Cổng thông tin điện tử của sở để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, thực hiện và giám sát việc thực hiện TTHC.

- Rà soát, đơn giản hóa, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện; kiến nghị loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; tiếp tục đề xuất cắt giảm các mẫu đơn, tờ khai, các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và các cơ sở dữ liệu điện tử sẵn có. Vận hành, khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 06/12/2021

của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

- Triển khai Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở giai đoạn 2020-2025 theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; tăng cường thanh toán trực tuyến trong giải quyết hồ sơ TTHC.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định số 20/2018/NĐ-CP ngày 14/02/2018 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý, phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và việc giám sát thực hiện TTHC của các cơ quan hành chính. Khắc phục tình trạng vẫn còn hồ sơ trễ hẹn trong năm 2023, thực hiện nghiêm quy định về xin lỗi trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC đối với cá nhân, tổ chức. Nâng cao trình độ, năng lực và thái độ làm việc của cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện giải quyết TTHC cũng như chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cao số lượng TTHC thực hiện theo mức độ DVC toàn trình, đẩy mạnh thực hiện tiếp nhận và giải quyết DVC trực tuyến toàn trình đảm bảo tỷ lệ % tối thiểu theo lộ trình quy định. Có cơ chế, giải pháp quyết liệt để khuyến khích các cơ quan, đơn vị đăng ký và gia tăng tỷ lệ hồ sơ thực hiện TTHC mức độ cao trong đó chú trọng gia tăng tỷ lệ thanh toán trực tuyến.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên, chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Sở ban hành và triển khai thực hiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, ban, bộ phận trực thuộc đơn vị theo hướng dẫn.

- Thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp quản lý. Triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp QLNN theo ngành, lĩnh vực; các nhiệm vụ quy định phân cấp theo Kế hoạch của UBND tỉnh; Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở đã thực hiện phân cấp cho các đơn vị sự nghiệp, UBND cấp huyện.

- Hoàn chỉnh và ban hành bản mô tả vị trí việc làm theo Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp (*Sở, Phòng, ban, đơn vị*) giai đoạn 2021-2026 và 2026-2031; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ.

- Cơ cấu, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, nâng cao

chất lượng, hợp lý về cơ cấu đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện đúng quy định công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái cán bộ, công chức, viên chức.

- Gắn việc đánh giá, xếp loại hằng năm của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức với thực hiện CCHC, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ hành chính.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ và Quyết định số 2741/QĐ-SGTVT ngày 24/10/2019 của Sở GTVT về thực hiện Đề án văn hóa công vụ của Sở GTVT; Kế hoạch số 2527/KH-SGTVT ngày 03/9/2019 của sở GTVT về thực hiện phong trào “*Cán bộ CCVC, NLĐ Sở GTVT thực hiện văn hóa công sở*” giai đoạn 2019-2025; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao đạo đức công vụ, thực thi nhiệm vụ gắn với vị trí, chức danh và yêu cầu nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Ban hành các văn bản chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đạo đức công vụ, nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính, tinh thần trách nhiệm, phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức.

- Áp dụng có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

- Xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị.

5. Cải cách tài chính công

- Kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên. Quản lý sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước; thực hiện tốt quy định về quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí.

- Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

- Thực hiện các giải pháp nhằm giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch năm 2024. Rà soát tiến độ triển khai thực hiện các dự án được giao làm chủ đầu tư để đưa ra giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn và hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện có hiệu quả các dự án. Rà soát, điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật đầu tư năm 2020.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 04/11/2021

của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh về ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2024 của Sở. Quản lý, vận hành, đảm bảo an toàn thông tin dữ liệu và triển khai hiệu quả Công thông tin điện tử sở; tiếp tục duy trì, nâng cấp và nâng cao chất lượng cung cấp thông tin theo quy định của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

- Thực hiện có hiệu quả việc áp dụng các hệ thống phần mềm: Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; hệ thống thư điện tử công vụ; hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; hệ thống hội nghị trực tuyến của UBND tỉnh, của Chính phủ và các bộ ngành Trung ương với địa phương; phân hệ lập hồ sơ điện tử, giao nộp hồ sơ điện tử vào lưu trữ cơ quan trên phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc. Quán triệt và việc thực hiện nghiêm túc việc xử lý văn bản, ký ban hành văn bản hoàn toàn điện tử;

- Nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; đổi mới phương thức làm việc và nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức;

- Triển khai có hiệu quả, thực hiện hoàn thành đảm bảo chất lượng, đúng và trước hạn các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao thông qua hệ thống phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2024 và các văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ;

- Xây dựng và ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo về CCHC năm 2024 của Sở Giao thông vận tải;

- Ban hành và tổ chức kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2024;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác CCHC đối với tối thiểu 30% tổng số các Phòng, Ban, Đơn vị thuộc Sở, trong đó ưu tiên triển khai thực hiện kiểm tra gián tiếp qua môi trường mạng tối thiểu 30% các nội dung kiểm tra.

- Tổ chức thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, công tác dân vận chính quyền;

- Có chính sách động viên, phát huy phong trào sáng kiến, ý tưởng trong công tác chuyên môn nghiệp vụ và CCHC.

- Tổ chức cuộc thi tìm hiểu, tuyên truyền về “Cải cách hành chính” trong

năm 2024 để phổ biến, tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành GTVT.

- Xây dựng kế hoạch và đôn đốc các Phòng, Ban, Đơn vị thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nhiệm vụ UBND, Chủ tịch UBND giao.

8. Duy trì và nâng cao các chỉ số: CCHC (PAR INDEX), Quản trị hành chính công (PAPI) và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính (SIPAS).

a) Chỉ số CCHC (PAR INDEX)

- Phân công trách nhiệm cụ thể đối với các phòng, ban, đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện Bộ chỉ số chấm điểm CCHC.

- Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các các phòng, ban, đơn vị trong việc thực hiện bộ chỉ số chấm điểm CCHC. Đảm bảo chất lượng về nội dung, đúng thời gian đặt ra.

- Gắn kết quả thực hiện bộ chỉ số CCHC với công tác thi đua khen thưởng, coi đây là tiêu chí quan trọng trong việc xếp loại thi đua khen thưởng cho các tập thể, cá nhân năm 2024.

b) Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI)

Thực hiện tốt 10 tiêu chí thành phần của bộ tiêu chí đánh giá chỉ số PCI:

- Cắt giảm tối đa chi phí gia nhập thị trường, chi phí thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

- Tận dụng mọi nguồn vốn phát triển hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn toàn tỉnh, trong các khu công nghiệp, phát triển, đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông tới các cửa khẩu, cảng biển, phát triển giao thông đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc vận chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu.

- Tạo môi trường kinh doanh công khai minh bạch, doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận công bằng các thông tin cần cho kinh doanh và các văn bản pháp luật cần thiết. Cung cấp đầy đủ các thông tin về mạng lưới giao thông vận tải cho doanh nghiệp khi có yêu cầu.

- Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính tạo điều kiện nhanh nhất có thể cho doanh nghiệp khi giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; đảm bảo thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính và thanh tra, kiểm tra hạn chế nhất. Thực hiện đúng đối tượng, thời gian, phạm vi theo kế hoạch thanh tra được UBND tỉnh ban hành; các cuộc kiểm tra chuyên ngành đối với các doanh nghiệp đảm bảo không có sự chông chéo, sách nhiễu, phiền hà và ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp.

- Cắt giảm tối đa các chi phí không chính thức cho doanh nghiệp. Xử lý các sai phạm làm tăng các chi phí không chính thức cho doanh nghiệp.

- Thực hiện cạnh tranh công bằng. Thực hiện tổ chức đấu thầu công khai, minh bạch và công bằng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản.

- Nâng cao năng lực làm việc, ý thức của cán bộ, công chức, viên chức Sở trong việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư, phát triển kinh doanh.

- Gắn việc thực hiện chỉ số PCI với thi đua khen thưởng. Xử lý nghiêm các cá nhân cố ý vi phạm các tiêu chí thành phần của chỉ số PCI.

c) Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI)

- Thực hiện tốt 6 chỉ số lĩnh vực nội dung, 22 chỉ số nội dung thành phần và 92 chỉ tiêu thành phần của bộ chỉ số PAPI.

Tham gia của người dân: Luôn lắng nghe, tiếp thu ý kiến của người dân. Phát phiếu khảo sát thăm dò ý kiến cho người dân sau khi thực hiện TTHC. Thực hiện việc điều tra, khảo sát một số hoạt động chuyên ngành nhằm đánh giá và có hướng điều chỉnh phù hợp, đảm bảo phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Công khai minh bạch: Công khai minh bạch các dự án đầu tư do cơ quan quản lý, hợp đồng kinh tế, công tác đấu thầu, chỉ định thầu, công khai minh bạch về tài sản thu nhập, cá nhân.

Trách nhiệm giải trình với tổ chức, công dân: Thực hiện tốt việc tiếp công dân theo quy định không có trường hợp CBCCVC lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao để làm sai các quy định của pháp luật.

Tiến hành rà soát đơn giản hóa TTHC. Cắt giảm tối đa chi phí về mặt thời gian và tài chính cho người dân khi thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công: Công khai minh bạch về công tác tuyển dụng, điều động, luân chuyển CBCCVC, đào tạo, công khai các kết luận thanh tra, kiểm tra giám sát, chấp hành kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Cung ứng dịch vụ công: Duy trì, nâng cao chất lượng trang Web của Sở nhằm trao đổi thông tin, dịch vụ công với người dân và doanh nghiệp qua môi trường mạng về hoạt động của cơ quan thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công, các thông tin về chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành GTVT.

- Gắn việc thực hiện chỉ số PAPI với thi đua khen thưởng. Xử lý nghiêm các cá nhân cố ý vi phạm các tiêu chí thành phần của chỉ số PAPI.

d) Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính (SIPAS).

- Xây dựng, ban hành kế hoạch duy trì nâng cao chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính (SIPAS).

III. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Người đứng đầu các phòng, đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc Sở trong công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện 08 nội dung về công tác cải cách hành chính. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị, coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong công tác CCHC.

2. Tăng cường, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong công tác CCHC nhằm kịp thời tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với các hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

3. Cử công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu thực hiện công tác CCHC của cơ quan, đơn vị. Ưu tiên bố trí đủ nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, quán triệt cán bộ, công chức, viên chức về đạo đức công vụ, cải cách hành chính; chống quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu. Lấy kết quả việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính làm cơ sở để đánh giá khen thưởng và kỷ luật cán bộ công chức, viên chức.

5. Phối hợp với cấp có thẩm quyền trong hoàn thiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hàng năm của Sở, ngành, tham mưu đổi mới công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số CCHC hàng năm của Sở, ngành theo hướng toàn diện, đa chiều, đảm bảo phù hợp với vị trí, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan đơn vị, công khai, minh bạch, tham mưu, phối hợp, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong công tác đánh giá.

6. Tăng cường công tác ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động quản lý nhà nước của Sở GTVT, ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của cơ quan nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của cơ quan, đơn vị.

7. Tăng cường và thường xuyên kiểm tra, tự kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở GTVT để có giải pháp hợp lý đẩy mạnh cải cách hành chính.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm các đồng chí Phó Giám đốc Sở phụ trách lĩnh vực

Căn cứ nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công giao phụ trách, trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở tổ chức triển khai và thực hiện tốt Kế hoạch CCHC 2024 của Sở đảm bảo đồng bộ, thống nhất, đầy đủ, kịp thời, có chất lượng và hiệu quả. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở đối với các nhiệm

vụ, chỉ tiêu được giao nhưng không đảm bảo tiến độ, chất lượng, các lĩnh vực được giao phụ trách có kết quả đánh giá, chấm điểm thấp.

2. Các phòng, ban, đơn vị

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao trong kế hoạch và các nhiệm vụ được giao của từng phòng, ban, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong phòng, ban, đơn vị biết và triển khai, thực hiện nghiêm túc kế hoạch CCHC năm 2024 đảm bảo hoàn thành tốt 100% nhiệm vụ đã đề ra.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Sở để triển khai thực hiện tốt các kế hoạch CCHC đã được ban hành. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất gửi về Văn phòng Sở để tổng hợp báo cáo chung.

3. Văn phòng Sở

- Chủ trì, tham mưu trong tổ chức triển khai và thực hiện Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2024 của Sở. Phối hợp với Ban biên tập Website của Sở đăng tải toàn văn Kế hoạch lên Trang thông tin điện tử của Sở đảm bảo tính kịp thời của thông tin, mức độ đầy đủ của thông tin về lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở và mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và phối hợp với các phòng, các đơn vị thuộc Sở trong thực hiện Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2030 của tỉnh, của Sở. Định kỳ, đột xuất tổng hợp báo cáo kết quả theo quy định.

4. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC của Sở; hướng dẫn các đơn vị lập, sử dụng dự toán và thanh, quyết toán kinh phí phục vụ công tác CCHC.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tham mưu chỉ đạo thực hiện lĩnh vực cải cách tài chính công.

Trên đây là Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước năm 2024 của Sở Giao thông vận tải, yêu cầu Trưởng các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp và toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, hoặc phát sinh nhiệm vụ mới, các phòng, ban, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở (qua Văn phòng) để tổng hợp, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- BCĐ CCHC;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- Website Sở;
- Lưu: VT, VP(P).

GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Hùng

PHỤ LỤC

Các nhiệm vụ triển khai theo Kế hoạch cải cách hành chính nước năm 2024 của Sở Giao thông vận tải
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGTVT ngày tháng 01 năm 2024 của Sở Giao thông vận tải)

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
I. CẢI CÁCH THỂ CHẾ								
1	1.1. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật	2.1. Xây dựng văn bản QPPL	Theo Công văn số 6276/UBND-NC ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh về việc phân công xây dựng văn bản QPPL năm 2024, Sở GTVT không được giao tham mưu xây dựng văn bản QPPL. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sẽ rà soát, bổ sung (nếu có) và thực hiện đúng trình tự xây dựng văn bản QPPL	- Công văn - Quyết định - Tờ trình	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
2	1.2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật	2.2. Xây dựng và ban hành kế hoạch rà soát văn bản QPPL năm 2024	Xây dựng và ban hành kế hoạch rà soát văn bản QPPL năm 2024	Kế hoạch	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Ban hành KH trước ngày 15/01/2024 theo KH số 255/KH-UBND ngày 27/12/2023 của	Kinh phí thường xuyên

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
							UBND tỉnh về kiểm tra rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2024	
		2.3. Báo cáo kết quả rà soát	Rà soát các văn bản QPPL được ban hành trong năm 2024 liên quan đến ngành, lĩnh vực	Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Trước ngày 18/11/2024 theo KH số 255/KH-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh	
3	1.3. Hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023 liên quan đến ngành, lĩnh vực	2.4. Báo cáo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023	Rà soát, hệ thống hóa các văn bản QPPL liên quan đến ngành, lĩnh vực kỳ 2019-2023	Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Trước ngày 20/01/2024 theo nội dung Công văn số 1969/STP-XD&KTVBQPPL ngày 16/10/2023 của Sở Tư pháp	
4	1.4. Tăng cường công tác pháp chế	2.5. Ban hành và tổ chức thực hiện công tác pháp chế năm 2024	Xây dựng và ban hành Kế hoạch công tác pháp chế năm 2024	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Tháng 01/2024	Kinh phí thường xuyên
5	1.5. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hàng năm	2.6. Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật	Xây dựng và ban hành kế hoạch	Kế hoạch	Thanh tra Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Tháng 01/2024	Kinh phí thường xuyên
			Ban hành Công văn triển khai	Công văn	Thanh tra Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
6	1.6. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật	2.7. Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Xây dựng và ban hành kế hoạch	Kế hoạch	Thanh tra Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Trước ngày 10/02/2024	Kinh phí thường xuyên
		2.8. Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	Tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTP	Văn bản, kế hoạch, báo cáo	Thanh tra Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2023	
		2.9. Báo cáo kết quả thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Báo cáo kết quả	Báo cáo kết quả thực hiện	Thanh tra Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Trước 05/12/2024	
7	1.7. Triển khai thực hiện VB QPPL	2.10. Triển khai văn bản QPPL của cấp trên ban hành liên quan đến lĩnh vực GTVT	Ban hành văn bản triển khai thực hiện, Báo cáo kết quả thực hiện cuối năm	Văn bản Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	
II	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH							
8	1.8. Rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa TTCH	2.11. Rà soát, thống kê, đề xuất các nội dung liên quan đến TTCH thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Trình	Tiến hành rà soát, đánh giá TTCH, đề xuất phương án đơn giản hóa	- Công văn đôn đốc - Tờ trình	Văn phòng Sở	Các phòng: QLVT và KCHT	Trước ngày 31/8/2024	

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
		UBND thông qua phương án đơn giản hóa TTHC						
9	1.9. Rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 31/10/2022, Kế hoạch số 83/KH-SGTVT ngày 24/11/2022	2.12. Rà soát, thống kê, đề xuất quy định cụ thể hoặc cắt giảm các nội dung liên quan đến TTHC nội bộ	Tiến hành rà soát, đánh giá TTHC nội bộ, đề xuất phương án đơn giản hóa	- Công văn đơn đốc - Tờ trình	Văn phòng Sở	Các phòng: QLVT và KCHT	Trước ngày 30/11/2024	
10	1.10. Kiểm soát TTHC	2.13. Kế hoạch kiểm soát TTHC	Xây dựng và ban hành kế hoạch	Kế hoạch	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Sau khi UBND tỉnh ban hành Kế hoạch	
		2.14. Báo cáo kết quả kiểm soát TTHC	- Căn cứ KH đã ban hành, tiến hành rà soát TTHC đã được chuẩn hóa và TTHC nội bộ. - Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất	Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Định kỳ hàng quý, năm và khi có yêu cầu	Kinh phí thường xuyên
11	1.11. Kịp thời cập nhật, sửa đổi, bổ sung các TTHC phù hợp quy định	2.15. Trình UBND công bố mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các TTHC	Xây dựng dự thảo trình UBND	Tờ trình	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Khi có sự thay đổi về TTHC của Bộ GTVT	Kinh phí thường xuyên

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
		2.16. Trình UBND công bố quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết các TTHC	Xây dựng dự thảo trình UBND	Tờ trình	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Khi có TTHC được công bố mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ	
12	1.12. Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử	2.17. Đảm bảo tỷ lệ 90% các hồ sơ TTHC được số hóa khi tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	Thực hiện số hóa hồ sơ TTHC khi tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	Giấy tờ, tài liệu được số hóa	Cán bộ một cửa; Các Phòng có phát sinh TTHC	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
13	Đảm bảo 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, tỷ lệ giao dịch thanh	2.18. Nâng cao tỷ lệ giao dịch thanh toán phí, lệ phí trực tuyến qua cổng thanh toán Quốc gia	Tuyên truyền, phổ biến	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 30% trở lên	Các Phòng có phát sinh TTHC; Cán bộ một cửa	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
	toán trực tuyến đạt 30% trở lên	2.19. Nâng cao tỷ lệ TTHC có phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	Rà soát danh mục TTHC có phí, lệ phí để tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện thanh toán trực tuyến khi giao dịch	Tỷ lệ TTHC có phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến được nâng cao	Các Phòng có phát sinh TTHC; Cán bộ một cửa	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	
14	1.14. Niêm yết, công khai TTHC	2.20. Niêm yết, công khai TTHC	Niêm yết, công khai TTHC tại Trung tâm PVHCC, Trang Thông tin điện tử Sở	TTHC được công khai, niêm yết đầy đủ	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở và các đơn vị có liên quan	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
15	1.15. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức	2.21. Tổ chức Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức	- Công khai số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị - Xử lý phản ánh kiến nghị	- Thông báo - Công văn - Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
16	1.16. Nâng cao mức hài lòng của người dân, tổ chức trong giải quyết TTHC	2.22. Thực hiện xin lỗi người dân khi có hồ sơ trễ hẹn	Phiếu xin lỗi	Phiếu xin lỗi	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Ngay khi có hồ sơ trễ hẹn (<i>nếu có HS trễ hẹn</i>)	Kinh phí thường xuyên
		2.23. Ban hành kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của người dân tổ chức đối	Khảo sát, đo lường mức độ hài lòng	- Kế hoạch - Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Quý I/2024	

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
		với sự phục vụ của cơ quan hành chính						
III. CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC								
17	1.17. Thực hiện đúng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quy định	2.24. Chỉ đạo các ĐVSN ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức trực thuộc theo quy định	Căn cứ QĐ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức đã được UBND tỉnh phê duyệt tiến hành triển khai thực hiện	- Văn bản - Báo cáo - Quyết định	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
18	1.18. Chỉ đạo các ĐVSN xây dựng và ban hành Đề án VTVL	2.25. Ban hành Đề án vị trí việc làm theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Bộ Giao thông vận tải	Thẩm định, cho ý kiến đối với Đề án VTVL của các ĐVSN	- Tờ trình - Công văn - Quyết định	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Trước 31/3/2024	Kinh phí thường xuyên
19	1.19. Thực hiện nhiệm vụ phân cấp và kiểm tra nội dung phân cấp quản lý	2.26. Thực hiện các nội dung Phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền theo Nghị quyết của Chính phủ và KH của UBND tỉnh	Văn bản triển khai Kiểm tra nội dung phân cấp theo Kế hoạch kiểm tra năm 2024 đã được phê duyệt	- Quyết định - Công văn	Các phòng chuyên môn (tham mưu phân cấp) Thanh tra Sở (tham mưu kiểm tra)	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Theo KH Thanh tra năm 2024 của UBND tỉnh	Kinh phí thường xuyên

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
IV. CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ								
20	1.20. Bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo VTVL được phê duyệt	2.27. Thực hiện bố trí cán bộ, công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt.	Rà soát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	- Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
21	1.21. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	2.28. Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	- Kế hoạch - Công văn	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Quý I/2024	Kinh phí thường xuyên
		2.29. Tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Cử cán bộ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng, khóa đào tạo	- Quyết định - Báo cáo theo quy định	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	
22	1.22. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính	2.30. Đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính	Ban hành Công văn đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính	Công văn	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
		2.31. Thực hiện chế độ báo cáo kỷ luật, kỷ cương hành chính	Báo cáo tình hình kỷ luật, kỷ cương hành chính	Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Báo cáo 06 tháng và báo cáo năm 2024	

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
23	1.23. Đảm bảo công bằng, khách quan, chính xác trong đánh giá cán bộ, công chức, viên chức	2.32. Rà soát, cập nhật đầy đủ thông tin CCVC trên hệ thống thông tin CCVC tỉnh Quảng Trị	Công văn hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện	Công văn	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Quý I/Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
		2.33. Báo cáo việc thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức	Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại CBCCVC	Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Quý IV/2024	
V. CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG								
24	1.24. Thực hiện tốt công tác công khai tình hình đầu tư, mua sắm, xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công	2.34. Thực hiện tốt và tham mưu điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ (<i>nếu cần thiết</i>)	Công khai Quy chế chi tiêu nội bộ, hướng dẫn thực hiện	Công văn	Phòng KH-TC	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên
		2.35. Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản	Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản đơn vị	Công văn	Phòng KH-TC	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
		công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị						
		2.36. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	Báo cáo	Phòng KH-TC	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Báo cáo năm	
25	1.25. Thực hiện tốt việc giải ngân vốn NSNN theo quy định	2.37. Đạt tỷ lệ giải ngân vốn NSNN tối thiểu 80%	- Công văn hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở - Báo cáo tình hình giải ngân vốn NSNN	- Công văn - Báo cáo	Phòng KH-TC	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
		2.38. Đảm bảo tình hình triển khai các công trình dự án đúng tiến độ đề ra	Công văn hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở	Công văn	Phòng KH-TC	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	
26	1.26. Ban hành và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2024	2.39. Thực hiện thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2024	- Kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2024 - Thực hiện kiểm kê tài sản	-Kế hoạch -Báo cáo	Phòng KH-TC	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	
27	1.27. Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo NĐ 130/2005/NĐ-CP	2.40. Rà soát, đánh giá việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản	Thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện	Báo cáo	Phòng KH-TC	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
		lý hành chính đối với cơ quan nhà nước						
VI. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ								
28	1.28. Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024	2.41. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024	Xây dựng và ban hành Kế hoạch	- Kế hoạch - Công văn	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị	Quý I/2024	Kinh phí thường xuyên
		2.42. Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số	Báo cáo kết quả thực hiện	- Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị	Quý IV/2024	Kinh phí thường xuyên
29	1.29 Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan đơn vị	2.43. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin	Xây dựng và ban hành kế hoạch	Kế hoạch	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Quý I/2024	Kinh phí thường xuyên
		2.44. Báo cáo tình hình thực hiện Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan đơn vị	Báo cáo ứng dụng CNTT theo quy định	Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Quý IV/2024	Kinh phí thường xuyên
30	1.30. Triển khai thực hiện Nghị định 42/2022/NĐ-CP	2.45. Tăng cường tỷ lệ DVC trực tuyến toàn trình và một	Cập nhật, bổ sung thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước	Văn bản, báo cáo <i>(lồng ghép với BC ứng dụng)</i>	Các phòng thực hiện TTHC	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
		phần; Công khai lên Cổng DVC Quốc gia; Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	trên trang web Sở	CNTT)				
			Tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Thanh toán trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh và Quốc gia	Văn bản, báo cáo	Phòng QLVT	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
31	1.31. Duy trì có hiệu quả hoạt động của trang web Sở	2.46. Cập nhật, bổ sung đầy đủ các nội dung thông tin theo quy định quy định tại Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ trên trang web sở	Bổ sung đầy đủ các nội dung thông tin theo quy định quy định tại Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP	- Công văn - Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
32	1.32. Ứng dụng hiệu quả phần mềm Hệ thống quản lý văn bản, hồ sơ công việc	2.47. Phần mềm được sử dụng và ứng dụng có hiệu quả	Xử lý văn bản và tạo lập hồ sơ công việc trên môi trường mạng; áp dụng chữ ký số	- Tạo lập hồ sơ công việc tỷ lệ trên 80%. - Ký số khi ban hành Văn bản đạt tỷ lệ trên 80%	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
33	1.33 Cập nhật thông tin lên Hệ thống thông tin báo cáo UBND tỉnh	2.48. Cập nhật đầy đủ, kịp thời hàng quý, năm	Rà soát, cung cấp số liệu và báo cáo trên phần mềm Hệ thống thông tin báo cáo UBND tỉnh định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm	Báo cáo Văn bản	Phòng QLVT	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Hàng quý, 6 tháng, năm 2024	Kinh phí thường xuyên
VII. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH								
34	1.34. Nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC	2.49. Ban hành Kế hoạch CCHC	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2024	Kế hoạch	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Trước ngày 31/01/2024	Kinh phí thường xuyên
			Báo cáo công tác CCHC	Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Báo cáo quý, 6 tháng, năm	
		2.50. Công tác tuyên truyền CCHC	Ban hành và tổ chức kế hoạch tuyên truyền CCHC	Kế hoạch Công văn Hội nghị Tin bài, cuộc thi	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Tháng 01/2024	Kinh phí thường xuyên
			Báo cáo công tác tuyên truyền	Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Báo cáo quý, 6 tháng, năm	

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
		2.51. Ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành	Công văn đôn đốc, nhắc nhở triển khai các chương trình, đề án, nghị quyết, quyết định của cấp trên	Công văn	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
		2.52. Kiểm tra công tác CCHC	Kiểm tra 30% số phòng ban đơn vị thuộc Sở	- Kế hoạch - Công văn - Quyết định - Thông báo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Ban hành KH trong Quý I, kiểm tra Quý III hoặc Quý IV/2024	Kinh phí thường xuyên
35	1.35. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, công tác dân vận chính quyền	2.53. Ban hành Kế hoạch	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch	- Kế hoạch - Công văn	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
		2.54. Báo cáo kết quả thực hiện	Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định	Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Báo cáo năm	
36	1.36. Sáng kiến trong công tác CCHC	2.55. Tìm kiếm sáng kiến trong công tác CCHC, chuyên môn nghiệp vụ	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC	- Kế hoạch/Công văn - Quyết định	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên
37	1.37. Xây dựng kế hoạch và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nhiệm vụ UBND, CT UBND giao	2.56. Xây dựng Kế hoạch và đôn đốc các phòng, ban, đơn vị thực hiện; báo cáo kết quả	- Xây dựng KH CTCT trọng tâm năm 2024 - CV đôn đốc thực hiện - Báo cáo hàng quý,	- Kế hoạch - Công văn - Báo cáo	Phòng KHTC	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	Kinh phí thường xuyên

STT	1. Mục tiêu	2. Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	3. Hoạt động	4. Kết quả/Sản phẩm	5. Chủ trì	6. Phối hợp	7. Thời gian	8. Kinh phí
			năm					
VIII	DUY TRÌ VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI							
38	1.38. Duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số PCI	2.57. Xây dựng KH và các giải pháp Khắc phục tồn tại, hạn chế và duy trì nâng cao chỉ số PCI	Xây dựng KH; ban hành văn bản khắc phục tồn tại hạn chế và đề xuất phương án duy trì khắc phục	- Kế hoạch - Văn bản - Báo cáo - Công văn	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Ban hành KH trong Quý I/2024	Kinh phí thường xuyên
		2.58. Báo cáo tình hình kết quả thực hiện	Báo cáo theo quy định	Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Quý, năm và đột xuất	Kinh phí thường xuyên
39	1.39. Cải thiện và nâng cao các chỉ số PAPI, PAR INDEX, SIPAS	2.59. Xây dựng KH khắc phục các tồn tại hạn chế và đề xuất các giải pháp Khắc phục tồn tại, hạn chế và duy trì nâng cao chỉ số PAPI, PAR INDEX, SIPAS	Xây dựng KH; ban hành văn bản khắc phục tồn tại hạn chế và đề xuất phương án duy trì khắc phục	- Kế hoạch - Văn bản	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Xây dựng KH sau khi có QĐ công bố chỉ số của UBND tỉnh	Kinh phí thường xuyên
		2.60. Báo cáo tình hình kết quả thực hiện	Báo cáo kết quả thực hiện	Báo cáo	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Báo cáo định kỳ cuối năm, đột xuất	Kinh phí thường xuyên